

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê Quang T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 208, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

2. Bà Trần Kim N, sinh năm 1987; địa chỉ: Căn hộ 19.14 Tầng 19 Block A1, chung cư Đ, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2020 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim N và ông Lê Quang T tiến tới hôn nhân tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng nhiều lần tự hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả do không có tiếng nói chung, sống ly

thân từ tháng 3/2019, cả hai xác định tình cảm đã hết, do vậy cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Quang T và bà Trần Kim N có hai con chung là Lê Quang N (nam), sinh ngày 29/6/2015 và Lê Trang Nhã A (nữ), sinh ngày 23/7/2017; hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Quang N và Lê Trang Nhã A, ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng (8.500.000 đồng/01 trẻ/tháng), cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 06/2020.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông Lê Quang T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang T và bà Trần Kim N thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2013 ngày 23 tháng 3 năm 2013 do Ủy ban nhân dân phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Ông Lê Quang T và bà Trần Kim N có hai con chung là Lê Quang N (nam), sinh ngày 29/6/2015 và Lê Trang Nhã A (nữ), sinh ngày 23/7/2017; sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Quang N và Lê Trang Nhã A, ông B cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng (8.500.000 đồng/01 trẻ/tháng), cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 5 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông Lê Quang T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Kim N và ông Lê Quang T cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0032282 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà N và đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 7 (2);
- Chi cục THADS Quận 7 (1);
- UBND phường G, Quận H (1);
- Đường sự (2);
- Lưu HS, VT ..⁽¹⁰⁾.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phơ